

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2018/DS-ST

Ngày: 27/4/2018

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A
Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Việt Quốc**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Thiện Hoàn**

Ông **Võ Hoàng Nghiệp**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Huynh - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện A.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Bà **Lâm Thị Thanh Thúy** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 222/2017/TLST-DSST ngày 12 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2018/QĐST-DS ngày 01/4/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Huỳnh Văn K**, sinh năm 1952.

Nơi cư trú: tổ 32, ấp T, xã N, huyện A, tỉnh An Giang.

Đồng bị đơn: Bà **Đỗ Thị T**, sinh năm 1967;

Bà **Dương Thị Q**, sinh năm 1991;

Bà **Dương Thị Chim Q**, sinh năm 1994.

Cùng nơi cư trú: tổ 36, ấp T, xã N, huyện A, tỉnh An Giang.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Em **Dương Chí L**, sinh năm: 2008, cư trú: Tổ 36, ấp T, xã N, huyện A, tỉnh An Giang.

Đại diện theo pháp luật em Dương Chí L là mẹ ruột bà Đỗ Thị T.

(Ông K, bà T có mặt; bà Q có đơn xin xét xử vắng mặt; bà Chim Q, em L cùng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai cùng ngày 02/10/2017 cùng với các tài liệu và chứng cứ kèm theo của ông Huỳnh Văn K trình bày: Ông và ông Đ không có họ hàng, phía gia đình ông Đ rất thân với gia đình của ông. Ông Đ làm ăn rất uy tín nên ông tin

tưởng cho vợ chồng ông Đ vay 215.000.000 đồng để phục vụ cho việc thu mua lúa. Trong quá trình vay, ông Đ có trả được 120.000.000 đồng, còn nợ lại 95.000.000 đồng. Tháng 6/2017 ông Đ chết, sau đó ông có thông báo cho bà T là vợ ông Đ biết còn nợ lại 95.000.000 đồng, bà T cũng thừa nhận phần nợ này và xin trả dần nhưng không thực hiện. Ông cho biết ông Đ và bà T có 04 người con gồm: Dương Thị Q, sinh năm 1991; Dương Thị Chim Q, sinh năm 1994; Dương Thị Thúy O, sinh năm 1999; Dương Chí L, sinh năm 2008. Cháu O chết vào năm 2006; cha ruột và mẹ ruột của ông Đ là ông Dương Văn T và bà Nguyễn Thị Đ đều đã chết. Nay ông yêu cầu bà Đỗ Thị T, Dương Thị Q, Dương Thị Chim Q cùng có liên đới trả số tiền 95.000.000 đồng.

Bà Đỗ Thị T trình bày: Lúc trước gia đình bà sống bằng nghề đi thu mua lúa, có ghe chở lúa, lúc đó công việc làm ăn rất thuận lợi. Đến khi con gái bà là Dương Thị Thúy O chết thì bà không tiếp tục đi theo ghe nữa mà chỉ ông Đ đi ghe. Trong quá trình làm ăn thì ông Đ có nhiều lần hỏi vay tiền của ông K để có vốn làm ăn. Việc vay tiền sau này bà thật sự không biết đến khi ông Đ chết thì bà mới biết có nợ tiền của ông K.

Phần tiền vay 215.000.000 đồng của ông K như thế nào thì bà không hay biết, đến khi ông Đ chết vào tháng 6/2017 thì ông K có đến nhà bà cho biết trong quá trình làm ăn ông Đ đã trả được 120.000.000 đồng còn nợ ông K lại 95.000.000 đồng. Tại phiên hòa giải của ấp T bà thừa nhận còn nợ ông K 95.000.000 đồng nhưng hiện hoàn cảnh của bà rất khó khăn nên chưa thể thanh toán số nợ trên cho ông K.

Bà và ông Đ có 04 người con gồm: Dương Thị Q, sinh năm 1991; Dương Thị Chim Q, sinh năm 1994; Dương Thị Thúy O, sinh năm 1999; Dương Chí L, sinh năm 2008. Cháu O chết vào năm 2006; cha ruột của ông Đ là Dương Văn T đã chết, mẹ ruột Nguyễn Thị Đ đã chết. Cháu Q đang tạm trú tại thành phố Đà Lạt, hộ khẩu đăng ký thường trú vẫn còn tại xã N, cháu Q vẫn thường xuyên về thăm nhà. Bà xác định biên nhận ngày 31/8/2014 âm lịch do ông Đ ký và viết tên. Ông Đ chết không có để lại di chúc.

Hiện nay cháu Q và cháu Chim Q đều biết số nợ này. Cháu L đang đi học. Riêng bà hiện sống bằng nghề làm thuê thu nhập khó khăn, hằng tháng cháu Q đi làm xa gửi tiền về nuôi bà và cháu L. Bà thừa nhận còn nợ ông K 95.000.000 đồng. Do hoàn cảnh khó khăn bà xin ông K số tiền 45.000.000 đồng, còn lại 50.000.000 đồng bà và các con xin trả dần, có bao nhiêu trả bấy nhiêu.

Ngoài ra bà cho biết tài sản chung hiện nay giữa bà và ông Đ chỉ còn 01 căn nhà cấp 4 với diện tích ngang 5m, dài khoảng 27m bà đang quản lý sử dụng căn nhà này. Ngoài ra còn 01 chiếc ghe trọng tải 42 tấn. Khi ông Đ còn sống đã giao cho người khác trừ nợ, đã không còn.

Bà Dương Thị Q trình bày: Thống nhất với ý kiến trình bày của mẹ ruột bà Đỗ Thị T, không có ý kiến bổ sung.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng phía bà Q vắng mặt không lý do, do đó Tòa án không thể tiến hành hòa giải được.

Chứng cứ nguyên đơn nộp: Văn bản cam kết không bỏ sót người thừa kế của ông Dương Văn Đ; biên bản hòa giải tại ấp T, xã N ngày 24/4/2015; biên nhận của ông Dương Văn Đ ngày 31/8/2014.

Tại Phiên tòa ông K trình bày: Biên nhận ngày 31/8/2011 ông Đ có ký tên, nội dung biên nhận ông Đ nợ 215.000.000 đồng trả được 02 lần, lần 1 trả 100.000.000 đồng còn 115.000.000 đồng, lần 2 trả 30.000.000 đồng, còn lại 85.000.000 đồng nhưng thực sự lần 2 ông Đ chỉ trả 20.000.000 đồng nhưng ông và ông Đ không làm biên nhận khác. Nay tại phiên tòa ông đồng ý rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu các đồng bị đơn gồm bà Đỗ Thị T, bà Dương Thị Q, bà Dương Thị Chim Q trả ngay 85.000.000 đồng, không yêu cầu lãi suất.

Bà T trình bày: Thừa nhận khi còn sống chồng bà ông Dương Văn Đ nợ tiền ông K và thống nhất nợ ông K 85.000.000 đồng. Do hoàn cảnh khó khăn bà xin ông K giảm dứt 35.000.000 đồng, còn lại 50.000.000 đồng xin trả dần mỗi tháng 300.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Bà Dương Thị Q vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bà Dương Thị Chim Q, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bà Q theo thủ tục chung.

Em Dương Chí L vắng mặt nhưng có mặt bà Đỗ Thị T là mẹ ruột cũng là đại diện theo pháp luật của em L.

Quan điểm Kiểm sát viên về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong việc ghi lời khai, hòa giải, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc nội dung vụ án:

Việc vay tiền giữa các bên đã được thừa nhận dựa trên nguyên tắc tự nguyện, phù hợp pháp luật, nên được xem là hợp đồng hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Tại Tòa, ông K cùng bà T thống nhất số tiền mà ông Đ còn nợ là 85.000.000 đồng và bà T cũng đồng ý trả số tiền nêu trên. Vì vậy, việc ông K khởi kiện về hợp đồng vay tài sản là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 463, Điều 467 BLDS năm 2015.

Về trách nhiệm trả nợ: Ông Đ là người trực tiếp vay từ ông K, nhưng hiện nay ông Đ đã chết nên ông K kiện yêu cầu bà T (là vợ ông Đ) cùng các con ông Đ gồm: bà Q, bà Chim Q cùng có trách nhiệm trả số tiền nợ 85.000.000 đồng, mà không yêu cầu cháu L (con ông Đ) cùng có trách nhiệm trong việc trả nợ cho ông K. Tại Tòa, bà T thừa nhận nợ và cũng đồng ý trả số nợ cho ông K. Do ông K chỉ yêu cầu bà tuyệt cùng bà Q và bà Chim Q cùng có trách nhiệm trả nợ mà không yêu cầu cháu L có trách nhiệm trả nợ là có lợi cho phía bị đơn, nên công nhận sự tự nguyện này.

Lẽ ra, bà T, bà Q, bà Chim Q còn phải chịu tiền lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trong việc thanh toán nợ cho ông K nhưng do ông K không yêu cầu là có lợi cho phía bị đơn nên công nhận sự tự nguyện này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Huỳnh Văn K khởi kiện yêu cầu bà Đỗ Thị T, bà Dương Thị Q, bà Dương Thị Chim Q hiện cư trú tại xã N, huyện A trả lại tiền vay. Căn cứ khoản 3 Điều 26 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A.

Về tư cách người tham gia tố tụng: Ông K khởi kiện yêu cầu bà T, bà Chim Q, bà Q trả tiền vay nên Tòa án xác định ông K là nguyên đơn; bà T, bà Q, bà Chim Q là đồng bị đơn. Ông K, bà T cùng xác định số tiền vay 85.000.000 đồng là do ông Đ vay khi còn sống. Hàng thừa kế thứ nhất của ông Đ ngoài các đồng bị đơn còn có em Dương Chí L là con ông Đ, bà T nên Tòa án đưa em L vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Q, bà Chim Q, em L được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt, bà Q có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Chim Q vắng mặt không lý do, đại diện theo pháp luật của em L là bà Đỗ Thị T có mặt. Xét việc bà Q, bà Chim Q, em L vắng mặt tại phiên tòa là không vi phạm pháp luật nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Chim Q, bà Q, em L theo Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Còn thời hiệu theo Điều 429 Bộ luật dân sự 2015.

[4] Về nội dung vụ án: Khi còn sống ông Dương Văn Đ vay tiền của ông Huỳnh Văn K. Ông Đ chết vào tháng 6/2017 mà chưa trả cho ông K nên ông K yêu cầu bà T cùng các con ông Đ: Bà Q, bà Chim Q cùng có trách nhiệm trả 85.000.000 đồng mà không yêu cầu cháu L (con ông Đ) cùng có trách nhiệm trả nợ cho ông K. Tại Tòa, bà T thừa nhận nợ, đồng ý trả số tiền nợ cho ông K. Ông K chỉ yêu cầu bà T, bà Q, bà Chim Q cùng trả mà không yêu cầu cháu L trả nợ là có lợi cho phía bị đơn nên công nhận sự tự nguyện này.

Lẽ ra, bà T, bà Q, bà Chim Q còn phải chịu tiền lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trong việc thanh toán nợ cho ông K nhưng do ông K không yêu cầu là có lợi cho phía bị đơn nên công nhận sự tự nguyện này.

Ông K yêu cầu các đồng bị đơn trả ngay, bà T xin ông K giảm đứt 35.000.000 đồng, số tiền còn lại sẽ trả dần nhưng không được ông K đồng ý nên yêu cầu của bà T không có căn cứ chấp nhận.

Về phương thức thanh toán: Đối với yêu cầu của ông K buộc bị đơn trả ngay số tiền còn nợ, Hội đồng xét xử chỉ xác định trách nhiệm trả nợ, còn thời gian trả và phương thức thanh toán sẽ được xem xét ở giai đoạn thi hành án, khi án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của K được chấp nhận nên ông K không phải chịu án phí, hoàn lại số tiền tạm ứng án phí cho ông K đã nộp. Các đồng bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 91, khoản 1 Điều 147, Điều 184, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự; khoản 2, Điều

26 Nghị quyết số 326/2016UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử :

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn K.

Đình chỉ xét xử phần yêu cầu 10.000.000 đồng của ông Huỳnh Văn K

Buộc Bà Đỗ Thị T, bà Dương Thị Q, bà Dương Thị Chim Q có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Văn K số tiền 85.000.000 đồng (Tám mươi lăm triệu đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành đầy đủ khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

- Án phí: Bà T, bà Q, bà Chim Q phải cùng chịu 4.250.000 đồng (Bốn triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí ông Huỳnh Văn K đã nộp theo biên lai thu số 0010827 ngày 05/10/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện A.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (27/4/2018) các đương sự có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn này đối với những người vắng mặt được tính kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAT;
- VKSH;
- THAH;
- Các đương sự;
- Lưu vp;
- Lưu hs.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mai Việt Quốc